TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HSST
Ngày: 14/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân*:*

- Ông Nguyễn Thanh Tùng
- Bà Vũ Thị Luyến

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:* Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Thành Nam - Kiểm sát viên

Ngày 14/5/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2020/HSST ngày 09/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXX ngày 29/3/2020; Thông báo không tiến hành mở phiên tòa số 03 ngày 13/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 27/4/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu C** - Tên gọi khác: Không.
Sinh ngày: 07 tháng 10 năm 1991.
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ dân phố Đại Cát, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không. Trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Hữu Hợp, sinh năm 1963; con bà Nguyễn Thị H (Sinh năm 1969), đều trú tại tổ dân phố Đại Cát, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo có 2 chị em, Cầm là con thứ hai. Có vợ là Lê Thị Thu H , sinh năm 1993. Vợ chồng có 02 con chung, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không. (theo danh bản, chỉ bản số 50 do Công an thị xã Phổ Yên lập ngày 16/10/2019).

Nhân thân: Ngày 01/3/2013, có hành vi đánh bạc, bị Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng. Đã chấp hành xong bản án, đương nhiên được xóa án tích.

Biện pháp ngăn chặn: Nguyễn Hữu C không bị tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái nguyên. (Có mặt tại phiên toà).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T , sinh năm 1981 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP Đại Cát, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên

2. Anh Phạm Quang M , sinh năm 1993 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP 2, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

3. Anh Phạm Xuân H , sinh năm 1988 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP 1, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

4. Anh Ngô Trọng Đ , sinh năm 2000 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP Nam, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

5. Anh Đào Duy T , sinh năm1992 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP Ga, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

6. Anh Trần Anh T , sinh năm 1993 - Có mặt

ĐKHKTT: TDP Chiến Thắng, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

7. Anh Đỗ Viết Đ , sinh năm 1975 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: Bạch Trữ, Chiến Thắng, huyện Mê Linh, TP Hà Nội

8. Anh Vũ Thế D , sinh năm 1985 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP Thái Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

9. Anh Nguyễn Tiến H , sinh năm 1987 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP Đại Phong, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

10. Anh Nguyễn Xuân Thịnh, sinh năm 1994 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP Đình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

11. Anh Nguyễn Quý T , sinh năm 1984 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP Giữa, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

12. Anh Nguyễn Hữu N , sinh năm 1993 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP Chiến Thắng, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

13. Anh Phạm Đình Đ , sinh năm 1999 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP Đại Phú, phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

14. Anh Nguyễn Xuân T , sinh năm 1989

ĐKHKTT: Xóm Hưng Thịnh, xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

15. Anh Lý Quang Huy, sinh năm 1993 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP Nam, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

16. Anh Hoàng Văn N , sinh năm 1995 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: xóm Thùa Lâm, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

17. Anh Nguyễn Công D , sinh năm 1993 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT; TDP Chiến Thắng, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

18. Anh Phạm Vũ H , sinh năm 1986 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP 3, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

19. Anh Lý Kim H , sinh năm 1998 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

ĐKHKTT: TDP Nam, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

2.3. Người làm chứng:

1. Anh Dương Hồng S , sinh năm 1998

ĐKHKTT: Xóm Thượng Vụ 1, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

2. Anh Dương Bảo , sinh năm 1993

ĐKHKTT: Xóm Thượng Vụ 1, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

3. Anh Nguyễn Văn D , sinh năm 1995

ĐKHKTT: Xóm Kim Long 2, xã Bình Sơn, Tp Sông Công, Thái Nguyên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 11/10/2019, phòng CSHS Công an tỉnh Thái Nguyên thực hiện kế hoạch số 1433/KH – CAT (PC02) ngày 02/10/2019 của Công an tỉnh Thái Nguyên, về việc kiểm tra cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại cơ sở cho vay cầm đồ (đăng ký kinh doanh mang tên Nguyễn Văn T) ở tổ dân phố Đại Cát, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái nguyên, Tại thời điểm kiểm tra có Nguyễn Hữu C , sinh năm 1991, là chủ hộ kinh doanh. Tổ công tác của Công an tỉnh Thái Nguyên yêu cầu Nguyễn Hữu Cầm cung cấp sổ, sách giấy tờ liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ và giao nộp 01 máy tính bảng ipad Mecash phần mềm quản lý cầm đồ cho vay. Qua kiểm tra, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện trong máy tính có phần mềm Mecash quản lý về cầm đồ, tín chấp, trả góp, đồng thời tiến hành tạm giữ 01 giấy chứng nhận ĐKKD mang tên Nguyễn Văn T; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT mang tên Nguyễn Văn T Ngoài ra còn phát hiện thu giữ: 06 giấy vay tiền, trong đó có 01 giấy vay tiền có kèm theo giấy bán xe; 04 quyển sổ, bên trong có nhiều ghi chép thể hiện hoạt động cho vay cầm đồ; 01 tập hợp đồng cầm cố tài sản; 01 điện thoại iphone màu đỏ đen.

Kết quả điều tra xác định: Nguyễn Hữu C không đủ điều kiện đứng tên cơ sở kinh doanh (do nhân thân có tiền án về tội đánh bạc năm 2013), nên C thuê lại cơ sở cầm đồ của anh Nguyễn Văn T để hoạt động cầm đồ và cho vay lãi

suất cao nếu khách có nhu cầu. Cầm có mở hai cơ sở gồm cửa hiệu cầm đồ HC có địa chỉ tại TDP Đại Cát, phường Đồng Tiến. Cửa hiệu này Cầm mượn giấy đăng ký kinh doanh của anh Nguyễn Văn T và hoạt động từ tháng 6/2018. Cửa hàng thứ hai là hiệu cầm đồ số 88, có địa chỉ tại TDP Giữa, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Cầm thuê giấy phép kinh doanh của anh Dương Đức D, sinh năm 1984 trú tại TDP Giữa, phường Đồng Tiến để kinh doanh. Tại hai cửa hàng này, Cầm đều làm chủ và thuê anh Nguyễn Văn D , sinh năm 1995, trú tại xã Bình Sơn,Tp Sông Công; Dương Hồng S , sinh năm 1998, trú tại xóm Thượng Vụ 1, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên; Dương Bảo Giang, sinh năm 1993, trú tại xóm Thượng Vụ 1, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên quản lý và trông coi tại hai cửa hiệu. Quá trình hoạt động: từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 10 năm 2019, Nguyễn Hữu Cầm đã cho nhiều người vay lãi nặng dưới hình thức cho vay cầm đồ, vay tín chấp và vay trả góp qua hình thức bốc bát họ thu lời bất chính, cụ thể như sau:

1. Cho vay bằng hình thức bốc bát họ:

- Ngày 10/10/2019, Cầm cho anh Đào Duy T (sinh năm 1992, Trú tại: Tổ dân phố Ga, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) vay số tiền 10.000.000đ, kỳ hạn vay là 50 ngày (thực tế là 49 ngày), khi cho vay C cắt lãi 2.000.000 đ, số tiền thực tế đưa cho Tùng là 8.000.000đ. Như vậy, mức lãi xuất mà C cho vay là 148,98%. Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 10.000.000đ x 20%/365 ngày x 49 ngày là 268.943 đồng. Số tiền lãi thu vượt quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là **1.731.057** đồng.

- Ngày 24/8/2019 C cho anh Trần Tuấn A (sinh năm 1993, Trú tại: Tổ dân phố Chiến Thắng, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) vay số tiền 10.000.000đ, kỳ hạn vay là 49 ngày, khi cho vay Cầm cắt lãi 2.000.000 đ, số tiền thực tế đưa cho Tuấn Anh là 8.000.000đ. Như vậy, mức lãi xuất mà Cầm cho vay là 148,98%. Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 10.000.000đ x 20%/365 ngày x 49 ngày là 268.943 đồng. Số tiền lãi thu vượt quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là **1.731.057** đồng.

- Ngày 14/6/2019 C cho anh Phạm Xuân H (sinh năm 1988, trú tại: Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) vay số tiền 15.000.000đ, kỳ hạn vay là 49 ngày, khi cho vay Cầm cắt lãi 3.000.000đồng, số tiền thực tế đưa cho anh Hòa là 12.000.000đ, như vậy mức lãi xuất mà Cầm cho vay là 148,98%. Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS là:15.000.000 x 20%/365 ngày x 49 ngày là 402.740đ. Số tiền Cầm thu lời bất chính vượt quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là là **2.597.260** đồng.

- Ngày 11/4/2019 C cho anh Ngô Trọng Đ (sinh năm 2000, trú tại: phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) vay số tiền 10.000.000đ, kỳ hạn vay là 49 ngày, khi cho vay C cắt lãi 2.000.000 đ, số tiền thực tế đưa cho anh Đ là 8.000.000đ, như vậy mức lãi xuất mà C cho vay là 148,98%. Số tiền lãi thu tối đa theo quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 10.000.000đ x 20%/365 ngày x 49 ngày là 268.943 đồng. Số tiền lãi thu vượt quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là **1.731.057** đồng.

2. Cho vay bằng hình thức tín chấp:

- Ngày 03/10/2019 C cho anh Đỗ Viết Đ g (sinh năm 1975, trú tại: Bạch Trữ Chiến Thắng, Mê Linh, Hà Nội) vay số tiền 5.000.000đ lãi suất 5.000/01 triệu /01 ngày. Kỳ hạn cứ 10 ngày phải trả lãi một lần là 250.000đ, đến hạn 12/10/2019 anh Đ trả xong (thực tế 09 ngày), tương đương lãi suất 202,78%/năm. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm, theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Hữu C phải thu là 24.658đ. Thu lời bất chính **225.342đ** = 182,78%.

- Ngày 27/9/2019 cho anh Vũ Thế D (sinh năm 1985, trú tại: Tổ dân phố Thái Bình, Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) vay số tiền 20.000.000đ lãi suất 5.000/01 triệu /01 ngày, thỏa thuận cứ 10 ngày anh D phải đóng lãi 1 lần là 1.000.000đ, tính đến ngày 06/10/2019 (thực tế là 09 ngày), mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm = 20.000.000 x 20%/365 ngày x 9 ngày = 98.630đ, C thu lời bất chính **901.370đ.**

- Ngày 26/8/2019 Cầm tiếp tục cho D vay 12.000.000đ lãi suất 5.000/01 triệu/01 ngày. Cứ 10 ngày anh D phải trả lãi 01 lần số tiền là 600.000đ. Từ ngày 26/8/2019 đến ngày 04/10/2019 (39 ngày) anh D đã đóng tiền lãi 04 lần cho C tổng số tiền 2.200.000đ. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm, theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Hữu C phải thu là 256.438đ. C thu lời bất chính **1.943.562đ.**

- Ngày 27/8/2019, Nguyễn Hữu C cho anh Nguyễn Tiến H (sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố Đại Phong, Ba Hàng, Phổ Yên) vay 5.000.000đ, Cầm tính lãi 4000đ/1 triệu/ngày, cắt lãi 600.000đ trong thời gian 29 ngày. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm, theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Hữu C phải thu là 79.416đ. Tiền thu lời bất chính là **520.584đ.**

- Ngày 22/8/2019 Cầm cho anh Nguyễn Xuân Thịnh (sinh năm 1994, trú tại: Phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) vay 10.000.000đ lãi suất 5.000/01 triệu /01 ngày, cứ 30 ngày anh phải dóng lãi 1 lần số tiền là 1.500.000đ, trong thời hạn vay 59 ngày anh T đã đóng lãi cho Cầm số tiền 3.000.000đ. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS là

20%/năm = 5.000.000đ x 20% x 365 ngày x 59 ngày = 323.288 đ. Cầm thu lời bất chính là **2.676.712đ.**

- Ngày 26/6/2019 Cầm cho anh Nguyễn Quý T (sinh năm 1984, trú tại: Phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) vay 40.000.000 đ lãi suất 3.000/01 triệu /01 ngày. Cứ 30 ngày anh Thức phải đóng lãi một lần số tiền 3.600.000đ. Từ ngày 26/6/2019 đến ngày 23/9/2019 là 89 ngày, anh Thức đóng lãi số tiền là 10.800.000đ. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm = 40.000.000đ x 20% x 365 x 89 ngày = 1.950.685đ. Thu lời bất chính **8.849.315đ.**

- Ngày 2/6/2019 Cầm cho anh Nguyễn Hữu N (sinh năm 1993, Trú tại: Phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) vay 5.000.000 đ lãi suất 3.000/01 triệu /01 ngày. Cứ 30 ngày anh N phải đóng lãi một lần số tiền là 450.000 đ. Từ ngày 02/6/2019 đến ngày 29/9/2019 là 119 ngày anh N đóng 1.800.000đ tiền lãi. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm = 5.000.000đ x 20% x 365 x 119 ngày = 326.027đ. Thu lời bất chính **1.473.973đ.**

- Ngày 01/5/2019 C cho anh Hoàng Văn N (Sinh năm 1995, trú tại: Thù Lâm, Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) vay 5.000.000đ lãi suất 5.000/01 triệu /01 ngày. Kỳ đóng lãi là 30 ngày một lần số tiền 750.000đ. Từ ngày 01/5/2019 đến ngày 27/9/2019 là 149 ngày anh đóng lãi cho C 3.750.000đ. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm = 5.000.000đ x 20% x 365 x 149 ngày = 408.219đ. Thu lời bất chính **3.341.781đ.**

- Ngày 25/4/2019 cho anh Nguyễn Công D (Sinh năm 1993, Trú tại: Phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) vay 10.000.000đ lãi suất 5.000/01 triệu /01 ngày. Kỳ đóng lãi cứ 30 ngày một lần số tiền là 1.500.000đ. Từ ngày 25/4/2019 đến 21/9/2019 là 149 ngày anh D đóng 7.000.000đ. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm = 10.000.000đ x 20% x 365 x 149 ngày = 816.438đ. Thu lời bất chính **6.183.562đ.**

- Ngày 01/6/2019 cho anh Phạm Vũ H (sinh năm 1986, trú tại: Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) vay 7.000.000đ lãi suất 5.000/01 triệu /01 ngày. Kỳ hạn đóng lãi cứ 30 ngày một lần số tiền là 1.050.000đ. Từ ngày 01/6/2019 đến ngày 28/9/2019 là 119 ngày H đóng 4.200.000đ tiền lãi. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm = 7.000.000đ x 20% x 365 x 119 ngày = 456.438đ. Thu lời bất chính **3.743.562đ.**

- Ngày 08/6/2019 cho anh Lý Kim H (sinh năm 1998, Trú tại phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) vay 4.000.000đ lãi suất 5.000đ/01 triệu /01 ngày. Cứ 10 ngày anh Hưng trả lãi một lần số tiền 200.000đ.

Từ ngày 08/6/2019 đến ngày 05/9/2019 là 89 ngày anh H đã trả cho Cầm 1.800.000đ tiền lãi. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm = 4.000.000đ x 20% x 365 x 89 ngày = 195.068đ. Thu lời bất chính **1.604.932đ**.

- Ngày 30/06/2019, Nguyễn Hữu C cho Nguyễn Xuân N (sinh năm 1988, trú tại TDP Giữa, Đồng Tiến, Phổ Yên) vay 10.000.000đ, lãi xuất 5.000/1 triệu/ 1 ngày. Cứ 10 ngày anh N trả lãi một lần số tiền 500.000đ. Từ ngày 30/6/2019 đến ngày 27/9/2019 là 89 ngày anh N trả 4.500.000đ tiền lãi cho Cầm. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm = 10.000.000đ x 20% x 365 x 89 ngày = 487.671đ. Thu lời bất chính **4.012.329đ.**

- Ngày 26/06/2019, Nguyễn Hữu C cho Phạm Đình Đ (sinh năm 1999, trú tại TDP Đại Phú, Bãi Bông, Phổ Yên) vay 6.000.000đ. Lãi xuất 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Kỳ trả lãi 30 ngày một lần là 540.000đ. Từ ngày 26/6/2019 đến ngày 25/9/2019 là 89 ngày anh Đ đã trả cho C 1.620.000đ tiền lãi. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm = 6.000.000đ x 20% x 365 x 89 ngày = 292.603đ. Thu lời bất chính **1.327.397đ.**

- Ngày 21/03/2019, Nguyễn Hữu C cho Nguyễn Xuân T (sinh năm 1989, trú tại Hưng Thịnh, Đắc Sơn, Phổ Yên) vay 5.000.000đ, Lãi xuất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Kỳ trả lãi cứ 30 ngày phải trả lãi là 750.000đ.Từ ngày 21/3/2019 đến ngày 20/9/2019 là 179 ngày T trả 4.400.000đ lãi cho C . Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm = 5.000.000đ x 20% x 365 x 179 ngày = 490.411đ. Thu lời bất chính **3.909.589đ.**

- Ngày 19/02/2019, Nguyễn Hữu C cho Lý Quang H (sinh năm 1993, trú tại TDP Nam, Đồng Tiến, Phổ Yên) vay 3.000.000đ. Lãi xuất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Kỳ trả lãi 30 ngày một lần là 450.000đ. Từ ngày 19/02/2019 đến 19/4/2019 là 59 ngày H trả cho Cầm 900.000đ tiền lãi. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm = 3.000.000đ x 20% x 365 x 59 ngày = 96.986đ. Thu lời bất chính **803.014đ.**

Như vậy tổng số tiền gốc Nguyễn Hữu Cầm cho vay là **192.000.000đ** (một trăm chín mươi hai triệu đồng), tổng số tiền lãi thu lãi được là **56.820.000đ** (năm mươi sáu triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng), lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là: 7.511.232đ (bảy triệu năm trăm mười một nghìn hai trăm ba mươi hai đồng), số tiền thu lời bất chính là **49.308.768đ** (bốn mươi chín triệu, ba trăm linh tám nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng). Toàn bộ số tiền gốc và liền lãi phát sinh từ việc cho vay đến thời điểm bị CQCSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện thu giữ sổ sách và quá trình điều tra những người được C cho vay (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên) đều xác định đã thanh toán đủ gốc và khoản tiền lãi cho C .

Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đỏ, đen, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Các vật chứng khác gồm;01 máy tính bảng Ipad, 01 sổ hợp đồng cầm đồ trong đó có ghi 18 hợp đồng cầm đồ và 04 sổ ghi chép hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã phổ Yên chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Với nội dung nêu trên. Tại bản cáo trạng số 40/CT - VKS ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố Nguyễn Hữu C về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Giữ nguyên quyết định đối với bị cáo về tội danh như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo là người có đủ năng lực TNHS, nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện do lợi nhuận.

Nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân cần đề cập: Tại bản án HSST số 64/2013/HSST ngày 30/8/2013, Tòa án nhân dân huyện Phổ Yên xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, 18 tháng thử thách về tội đánh bạc. Đã chấp hành xong bản án đương nhiên được xóa án tích.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu

Tình tiết giảm nhẹ được hưởng: điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS

Từ những căn cứ nêu trên: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu C phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Hình phạt chính: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS, Phạt bị cáo từ 24 - 30 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho chính quyền nơi cư trú giám sát và giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền bị cáo từ 90.000.000 đến 95.000.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

*Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị bị cáo Cầm phải trả cho những người liên quan khoản tiền lãi phát sinh từ giao dịch trái pháp luật số tiền **49.308.768đ** (bốn mươi chín triệu, ba trăm linh tám nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng).*

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

** Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc máy tính bảng Ipad màu hồng của Nguyễn Hữu Cầm;*

*- Buộc Nguyễn Hữu C phải nộp lại số tiền **192.000.000đ** (một trăm chín mươi hai triệu đồng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội nộp ngân sách Nhà nước.*

*- Buộc bị cáo Cầm nộp **7.511.232đ** (bảy triệu năm trăm mười một nghìn hai trăm ba mươi hai đồng), là tiền phát sinh từ phạm tội mà có nộp ngân sách Nhà nước. Tổng cộng hai khoản là: **199.511.232 đồng.***

**** Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:***

- 01 giấy chứng nhận đang ký kinh doanh mang tên Nguyễn Văn Thái do Phòng Tài chính kế hoạch thị xã Phổ Yên cấp; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT do Công an thị xã Phổ Yên cấp mang tên Nguyễn Văn T . (Do anh Thái không có ý kiến và đề nghị tiêu hủy).

- 01 sổ HĐ cầm đồ có ghi 18 hợp đồng cầm đồ; 04 quyển sổ ghi chép (có 01 quyển màu đen và 03 quyển màu đỏ) bên trong mỗi quyển thể hiện nhiều nội dung ghi chép của Nguyễn Hữu C .

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX cân nhắc mức án để ra quyết định đúng pháp luật.

Ý kiến tranh luận của của bị cáo: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận.

Phần đối đáp và tranh luận: Bị cáo Cầm cho rằng hình phạt VKS đề nghị áp dụng cho bị cáo là quá nặng, khoản tiền phạt quá cao. Khoản tiền gốc đề nghị sung công quỹ Nhà nước không đúng vì đó là tiền vay mượn của bị cáo.

Đại diện VKS đối đáp quan điểm tranh luận của bị cáo: Mặc dù tội phạm bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, xong bị cáo có nhân thân đã xử phạt về tội đánh bạc, mức hình phạt cải tạo VKS đề nghị trong khung hình phạt của khoản 1 Điều 201 BLHS. Về khoản tiền tịch thu sung công quỹ Nhà nước căn cứ Công văn số 212 ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn nghiệp vụ thì toàn bộ khoản tiền gốc cho vay và lãi phát sinh từ giao dịch đều phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Kết thúc phần tranh tụng bị cáo, đại diện VKS thị xã Phổ Yên không đưa ra quan điểm đối đáp, tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin HĐXX cho hưởng lượng khoan hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩ vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều có đơn xin được xét xử vắng mặt, kiểm sát viên, bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt họ. Xét việc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng trong hồ sơ đã có lời khai thể hiện quan điểm của họ nên việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho quá trình xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật;

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với: Biên bản sự việc lập hồi 18 giờ 15 phút, ngày 11/10/2019, tại cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ HC và các vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó, đã xác định được trong khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 10/2019, Nguyễn Hữu C lợi dụng nhu cầu vay tiền của người dân đã thực hiện 19 giao dịch dân sự đã cho 18 cá nhân vay với tổng số tiền gốc cho vay là **192.000.000đ** *(một trăm chín mươi hai triệu đồng),* tổng số tiền lãi thu được là **56.820.000đ** *(năm mươi sáu triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng)*, trong đó lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là: **7.511.232đ** (bảy triệu năm trăm mười một nghìn hai trăm ba mươi hai đồng). Với mức lãi suất thấp nhất là 148,98 %/năm, lãi suất cao nhất là 202,78%/năm (vượt gấp 10 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015), số tiền thu lời bất chính là **49.308.768đ** *(bốn mươi chín triệu, ba trăm linh tám nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng),* nên hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 201 - Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Cụ thể khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi xuất gấp 05 lần trở lên của mức lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lời bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài

chính và còn mang tích chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích hám lợi và thái độ xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Xét nhân thân của bị cáo: Mặc dù được coi là chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân cần đề cập trong khi lượng hình: Năm 2013 có hành vi đánh bạc, bị Tòa án nhân dân huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên) xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tại bản án số 64/2013/HSST ngày 30/8/2013. Do đó HĐXX cân nhắc mức hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn hành vi phạm tội là tình tiết giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS tại Điều 52 BLHS.

[4] Về hình phạt cần áp dụng: Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do đó, cần phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo một thời gian nhất định. Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn việc khấu trừ thu nhập.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Công văn số 212/TANDTC – PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử, tại mục I về Hình sự thì:

- Đối với khoản tiền gốc được xác định là phương tiện phạm tội cần sung công quỹ Nhà nước. Do đó, buộc Nguyễn Hữu C phải nộp lại số tiền **192.000.000đ** (một trăm chín mươi hai triệu đồng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là khoản phát sinh từ tội phạm cần sung công quỹ Nhà nước. Do đó, buộc bị cáo Cầm nộp lại **7.511.232đ** (bảy triệu năm trăm mười một nghìn hai trăm ba mươi hai đồng), là tiền phát sinh từ phạm tội mà có nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền **49.308.768đ** (Bốn mươi chín triệu, ba trăm linh tám nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng), đây là khoản tiền lãi

vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, là khoản tiền mà bị cáo chiếm đoạt của những người vay, cần trả lại cho những người vay (gồm 18 người).

[8] Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

- 01 chiếc máy tính bảng Ipad màu hồng thu của bị cáo do bị cáo dùng dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội. Do đó tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mang tên Nguyễn Văn T do Phòng Tài chính kế hoạch thị xã Phổ Yên cấp; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT do Công an thị xã Phổ Yên cấp mang tên Nguyễn Văn T. Anh T đề nghị tiêu hủy. Do đó, cần tiêu hủy.

Các vật chứng khác chứng minh hành vi phạm tội cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án gồm: 01 sổ HĐ cầm đồ có ghi 18 hợp đồng cầm đồ; 04 quyển sổ ghi chép (có 01 quyển màu đen và 03 quyển màu đỏ) bên trong mỗi quyển thể hiện nhiều nội dung ghi chép.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

[11] Các vấn đề khác của vụ án: Trong vụ án còn có các đối tượng: Dương Hồng S (sinh năm 1998, Dương Bảo G (sinh năm 1993), cùng trú tại: xóm Thượng Vụ 1, xã Thành Công, TX Phổ Yên, Nguyễn Văn D (sinh năm 1995, trú tại: xóm Kim Long 2, xã Bình Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên) và Phạm Quang Minh (sinh năm 1993, trú tại TDP 2, phường Ba Hàng, TX Phổ Yên) là những đối tượng được Nguyễn Hữu C thuê làm việc tại quầy cầm đồ của Cầm với nhiệm vụ trông quầy, khi có người đến vay lãi thì Sơn, Giang, Dân và Minh tiếp người đến vay, thông báo cho Cầm biết để Cầm trực tiếp giao dịch và cho khách vay tiền. Ngoài ra khi C đi vắng thì Dương Hồng S đã trực tiếp giúp C cho vay lãi, đối tượng Nguyễn Văn D và Phạm Quang M quá trình điều tra chưa xác định được cụ thể các mã vay lãi nặng mà Nguyễn Văn D và Phạm Quang M thực hiện cho vay và thu lãi. Dương Bảo G , Dương Hồng S , Nguyễn Văn D và Phạm Quang M chưa có tiền án, tiền sự về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên hành vi của G , S, D , M không cấu thành tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Hữu C phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2.Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Áp dụng : Khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự*:*

Xử phạt **Nguyễn Hữu Cầm 12** (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ bắt đầu tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu C cho Ủy ban nhân dân phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên,tỉnh Thái Nguyên nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt tiền để sung công quỹ Nhà nước đối với bị cáo là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Buộc Nguyễn Hữu C phải nộp lại số tiền: **192.000.000đ.** *Bằng chữ: (một trăm chín mươi hai triệu đồng)* khoản tiền gốc đã cho vay, nhưng là phương tiện dùng vào việc phạm tội để nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hữu C nộp lại số tiền: **7.511.232đ** (bảy triệu năm trăm mười một nghìn hai trăm ba mươi hai đồng), là tiền lãi theo quy định của khoản 1 Điều 468 BLDS thu của những người đã vay - đây là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước.

Tổng cộng hai khoản buộc Nguyễn Hữu C phải nộp lại là: **199.511.232**đ. *Bằng chữ: (Một trăm chín mươi chín triệu năm trăm mười một nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).*

4. Về phần trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự Buộc Nguyễn Hữu Cầm phải trả lại số tiền **49.308.768đ** *(Bốn mươi chín triệu, ba trăm linh tám nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng)*, cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

1. Trả cho anh Đào Duy T (sinh năm 1992, Trú tại: Tổ dân phố ga, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) số tiền **1.731.057** (Một triệu bảy trăm ba mươi mốt ngàn không trăm năm mươi bảy đồng).

2. Trả cho anh Trần Tuấn A (sinh năm 1993, Trú tại: Tổ dân phố Chiến Thắng, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) số tiền **1.731.057** (một triệu bảy trăm ba mươi mốt ngàn không trăm năm mươi bảy đồng).

3. Trả cho anh Phạm Xuân H (sinh năm 1988, trú tại: Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) số tiền **2.597.260** đ (hai triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm sáu mươi đồng).

4. Trả cho anh Ngô Trọng Đ (sinh năm 2000, trú tại: TDP Nam, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) số tiền **1.731.057**đ.

5.Trả cho anh Đỗ Viết Đ (sinh năm 1975, trú tại: Bạch Trữ Chiến Thắng, Mê Linh, Hà Nội) số tiền: **225.342đ**

6. Trả cho anh Vũ Thế D (sinh năm 1985, trú tại: Tổ dân phố Thái Bình, Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) số tiền: **2.844.932 đ**

7.Trả cho anh Nguyễn Tiến H (sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố Đại Phong, Ba Hàng, Phổ Yên) số tiền: **520.584đ.**

8. Trả cho anh Nguyễn Xuân T (sinh năm 1994, trú tại: TDP Đình, Phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) số tiền: **2.676.712đ.**

9. Trả cho anh Nguyễn Quý T (sinh năm 1984, trú tại: TDP Giữa, Phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) số tiền: **8.849.315đ.**

10. Trả cho anh Nguyễn Hữu N (sinh năm 1993, Trú tại: TDP Chiến Thắng, Phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) số tiền: **1.473.973đ.**

11.Trả cho anh Hoàng Văn N (Sinh năm 1995, trú tại: Thù Lâm, Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) số tiền: **3.341.781đ.**

12. Trả cho anh Nguyễn Công D (Sinh năm 1993, Trú tại: Phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) số tiền: **6.183.562đ.**

13. Trả cho anh Phạm Vũ H (sinh năm 1986, trú tại: Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) số tiền: **3.743.562đ.**

14. Trả cho anh Lý Kim H (sinh năm 1998, Trú tại TDP Nam, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) số tiền: **1.604.932đ**.

15. trả cho Nguyễn Xuân N (sinh năm 1988, trú tại TDP Giữa, Đồng Tiến, Phổ Yên) số tiền: **4.012.329đ.**

16. Trả cho Phạm Đình Đ (sinh năm 1999, trú tại TDP Đại Phú, Bãi Bông, Phổ Yên) số tiền: **1.327.397đ.**

17. Trả cho Nguyễn Xuân T (sinh năm 1989, trú tại Hưng Thịnh, Đắc Sơn, Phổ Yên) số tiền: **3.909.589đ.**

18. Trả cho anh Lý Quang H (sinh năm 1993, trú tại TDP Nam, Đồng Tiến, Phổ Yên) số tiền: **803.014đ.**

5. Xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

* Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc máy tính bảng Ipad màu hồng của Nguyễn Hữu Cầm;

* Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 giấy chứng nhận đang ký kinh doanh mang tên Nguyễn Văn Thái do Phòng Tài chính kế hoạch thị xã Phổ Yên cấp; 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT do Công an thị xã Phổ Yên cấp mang tên Nguyễn Văn Thái. (Do anh Thái không có ý kiến, đề nghị tiêu hủy).

* Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án các tài liệu gồm: 01 sổ HĐ cầm đồ có ghi 18 hợp đồng cầm đồ; 04 quyển sổ ghi chép (có 01 quyển màu đen và 03 quyển màu đỏ) bên trong mỗi quyển thể hiện nhiều nội dung ghi chép của Nguyễn Hữu Cầm.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/3/2020 giữa CQĐT Công an thị xã Phổ Yên với Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên).

6. Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS**,** Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Nguyễn Hữu Cầm phải chịu 200.000đ án phí HSST nộp ngân sách Nhà nước.

7. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333 BLTTHS

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, có mặt anh Trần Anh T . Báo cho biết bị cáo và người liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (18 người vắng mặt). Báo cho biết những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Thi hành án thị xã Phổ Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà